



ISSN - 2615 - 8973

REVIEW OF FINANCE

# Tài chính

CƠ QUAN THÔNG TIN CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Kỳ 2 - Tháng 9/2018 (689)

www.tapchitaichinh.vn



## QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI LẠM PHÁT VÀ DỰ BÁO NGŨỖNG LẠM PHÁT PHÙ HỢP CHO VIỆT NAM

Tr. 3

▶ DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA VIỆT NAM BẰNG PHƯƠNG PHÁP HỒI QUY THÀNH PHẦN CHÍNH

Tr. 7

▶ THU HÚT VỐN FDI TỪ TRUNG QUỐC BẰNG NHỮNG DỰ ÁN CÔNG NGHỆ CAO

Tr. 32

**TẠP CHÍ TÀI CHÍNH**  
**- CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN**  
**VÀ NGHIỆP VỤ CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH**

TẠP CHÍ TÀI CHÍNH Kỳ 2 - Tháng 9/2018 (689)

**Tài chính**

Tạp chí khoa học,  
chuyên về thông tin  
lý luận và nghiệp vụ  
kinh tế - tài chính

**FINANCE**

Tạp chí tiếng Anh, công bố  
các nghiên cứu khoa học về  
kinh tế - tài chính Việt Nam  
và quốc tế

**TÀI CHÍNH VIỆT NAM**  
www.tapchitaichinh.vn

Tạp chí điện tử,  
thông tin chuyên sâu  
về kinh tế - tài chính  
trong nước và quốc tế

**Công tác Đảng**

Đặc san tuyên truyền,  
phổ biến công tác Đảng  
của Đảng bộ Bộ Tài chính

**VIETNAM**  
**FINANCE - ECONOMY**

Đặc san phục vụ  
công tác thông tin  
đối ngoại của Bộ Tài chính

**HỘI NGHỊ, HỘI THẢO**

Hội nghị, hội thảo  
chuyên đề tuyên truyền về  
cơ chế, chính sách tài chính

**Tổng Biên tập:**

TS. PHẠM THU PHONG

(024) 3933.0033

**Phó Tổng Biên tập:**

ĐỖ VĂN HẢI

(024) 3933.0039

**Hội đồng Biên tập:**

GS., TS. NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

GS., TSKH. TRƯƠNG MỘC LÂM

GS., TS. VŨ VĂN HÓA

GS., TS. ĐINH VĂN SƠN

GS., TS. TRẦN THỌ ĐẠT

GS., TS. PHẠM QUANG TRUNG

PGS., TS. ĐINH VĂN NHẢ

PGS., TS. TRẦN HOÀNG NGÂN

PGS., TS. NGUYỄN TRỌNG CƠ

PGS., TS. NGUYỄN THỊ MÙI

**KINH TẾ VIỆT NAM**

**3 Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với lạm phát và dự báo ngưỡng lạm phát phù hợp**

cho Việt Nam

ThS. Lê Thị Phương Loan

**7 Dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam bằng phương pháp hồi quy thành phần chính**

ThS. Bùi Thị Minh Nguyệt

**11 Kinh tế chia sẻ - Tiềm năng và thách thức đối với Việt Nam**

ThS. Nguyễn Thị Loan

**15 Lợi ích của Hiệp định CPTPP đối với nền kinh tế và lĩnh vực ngân hàng Việt Nam**

ThS. Huỳnh Quốc Khiêm

**19 Cơ hội và thách thức với Việt Nam sau khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực**

ThS. Nguyễn Mạnh Hùng, ThS. Lê Thị Trang

**23 Quản lý thuế đối với giao dịch liên kết: Hướng đến tiệm cận thông lệ quốc tế**

Đinh Mai Hạnh

**26 Ảnh hưởng của thuế giá trị gia tăng đến quy mô chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển**

PGS., TS. Nguyễn Ngọc Hùng

**29 Một số vấn đề trong lập báo cáo tài chính nhà nước**

TS. Lê Thị Minh Ngọc

**32 Thu hút vốn FDI từ Trung Quốc bằng những dự án công nghệ cao**

TS. Nguyễn Thị Thanh An

**35 Một số vấn đề về quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu khoáng sản**

TS. Nguyễn Ngọc Khánh

**38 Đổi mới tổ chức hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ Tài chính trong điều kiện hiện nay**

ThS. Phạm Xuân Thủy, ThS. Vũ Anh, ThS. Nguyễn Thị Mai Liên, ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Phương

**KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**42 Một số nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp**

Thái Anh Tuấn

**46 Kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất thép tại TP. Đà Nẵng**

ThS. Nguyễn Lê Nhân, ThS. Mai Thị Quỳnh Như

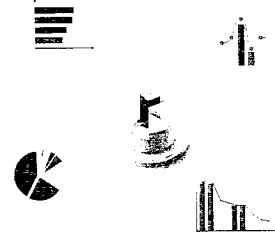
**49 Bàn về kế toán quản trị đối với doanh nghiệp sản xuất sợi**

ThS. Nguyễn Thị Hồng Sương

**52 Phương pháp đánh giá hiệu quả quản trị khoản chi phí đối với doanh nghiệp khai khoáng**

Nguyễn Ngọc Khanh, Ngô Thế Bình

REVIEW OF FINANCE  
**Tài chính**  
CƠ QUAN THÔNG TIN CỦA BỘ TÀI CHÍNH



QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI LẠM PHÁT  
VÀ DỰ BÁO NGƯỠNG LẠM PHÁT PHÙ HỢP CHO VIỆT NAM

ĐU ĐÁU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA VIỆT NAM  
SANG PHƯƠNG PHÁP PHÂN QUẪU TÀI CHÍNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN  
ĐANG HUẤN DUYỆT SÁCH CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH

**Tòa soạn:** Số 4, ngõ Hàng Chuối 1,

Phố Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933.0036

Email: tctc.banbientap@gmail.com

**Đại diện phía Nam:**

138 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3930.0434

**Quảng cáo & Phát hành:**

Điện thoại: (024) 3933.0034

**Tài khoản:** Tạp chí Tài chính

0011002409533 Ngân hàng TMCP

Ngoại thương Việt Nam CN Hoàn Kiếm

**Mã số thuế Tạp chí Tài chính:** 0100110736

**Giấy phép xuất bản:**

Số 1536/GP-BTTTT - ngày 23/9/2011

của Bộ Thông tin & Truyền thông

**Nơi in:** Công ty CP in Hà Nội

## TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

57 **Cơ chế chính sách đối với doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ra nước ngoài** NCS. Trần Hoài Nam

61 **Năng lực của doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ trong chuỗi cung ứng sản phẩm cơ khí**

Nguyễn Thu Hương, Lê Trịnh Minh Châu

65 **Quan hệ lao động tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và những vấn đề đặt ra**

TS. Nguyễn Thị Việt Nga

69 **Các yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin trên báo cáo tài chính** Mai Thị Hoa

72 **Xác lập quyền sở hữu và quản trị nhãn hiệu của các doanh nghiệp Việt Nam**

ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

76 **Lãnh đạo doanh nghiệp trong nền công nghiệp 4.0**

ThS. Lưu Ngọc Liềm

79 **Đánh giá một số mô hình dự báo rủi ro tín dụng tại các doanh nghiệp** NCS. Đinh Đức Minh

82 **Tác động của du lịch biển đến an ninh, xã hội vùng Duyên hải Nam Trung Bộ**

ThS. Đặng Thị Nhung

## DIỄN ĐÀN KHOA HỌC

85 **Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay**

ThS. Phạm Bích Hằng

89 **Vận dụng bảng điểm cân bằng đánh giá thành tựu của sinh viên**

tại Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh

PGS., TS. Trần Văn Tùng

93 **Phát triển giáo dục đào tạo trực tuyến ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập**

ThS. Nguyễn Thị Thu Hà

## BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM - VÌ AN SINH XÃ HỘI

97 **Khẳng định sự khác biệt và vượt trội của bảo hiểm xã hội**

Anh Vũ

98 **Không nhầm lẫn giữa bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại**

Vân Anh

100 **ASSA thúc đẩy hợp tác quốc tế đảm bảo quyền lợi cho người lao động**

Hà Phương

## TÀI CHÍNH & ĐẦU TƯ

101 **Thêm động lực cho xử lý nợ, tái cơ cấu doanh nghiệp**

ThS. Nguyễn Thị Hải Vân

103 **Phát huy hiệu quả nguồn vốn cho vay, hỗ trợ đóng tàu**

Viết Chung

106 **Ấn tượng Bảo Việt từ "Mùa hè sôi động"**

Minh Anh



# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU KHOÁNG SẢN

TS. NGUYỄN NGỌC KHÁNH - Đại học Mở Địa chất \*

*Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo, là một trong những nguồn lực quan trọng để thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Những năm qua, ngành công nghiệp khai khoáng đã cung cấp nguyên liệu cho nhiều lĩnh vực sản xuất, thúc đẩy xuất khẩu, thu về nguồn ngoại tệ đáng kể cho ngân sách nhà nước, góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, cần tăng cường quản lý hoạt động xuất khẩu khoáng sản nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.*

Từ khóa: Khoáng sản, tỷ trọng xuất khẩu, công nghiệp khai khoáng, chính sách tài chính

## REINFORCEMENT OF STATE MANAGEMENT OF MINERAL OUTBOUND

*Minerals are nonrenewable natural resources and are extremely important for industrialization and modernization. In the past years, the mining industry was developed to supply minerals to production, export and revenue of foreign currencies for the state budget and for the socio-economic development of Vietnam. However, for the new context, it is vital to enhance the management of mineral outbound to secure national interest in conformity with strategic plans of Communist Party and the State.*

Keywords: Mineral, export weight, mining industry

Ngày nhận bài: 9/8/2018

Ngày hoàn thiện biên tập: 3/9/2018

Ngày duyệt đăng: 10/9/2018

## Xu hướng giảm tỷ trọng xuất khẩu khoáng sản

Việt Nam là quốc gia có nhiều tiềm năng về khoáng sản. Trong 30 năm qua, ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam đã đạt được bước phát triển nhất định, qua đó, có sự đóng góp vào ngân sách nhà nước.

Theo đánh giá tại Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tài nguyên khoáng sản nước ta đa dạng về chủng loại; một số khoáng

sản có tài nguyên, trữ lượng lớn, tuy nhiên, khoáng sản là tài nguyên không tái tạo nên phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hết sức hợp lý, triệt để tiết kiệm, thật sự có hiệu quả cao.

Nghị quyết số 02-NQ/TW cũng nêu rõ: Về chính sách dự trữ và xuất khẩu khoáng sản, cần bảo đảm cân đối giữa dự trữ với khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản trong từng giai đoạn. Thực hiện nhất quán nguyên tắc khai thác khoáng sản chủ yếu để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu trong nước, góp phần phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, định kỳ xem xét để xác định mức độ quan trọng của từng loại khoáng sản, từ đó điều chỉnh việc khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản; Công bố danh mục khoáng sản, chất lượng khoáng sản được phép xuất khẩu phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong từng thời kỳ... Hạn chế, tiến tới sớm chấm dứt xuất khẩu khoáng sản thô, chưa qua chế biến hoặc chỉ ở dạng sơ chế; không xuất khẩu các loại khoáng sản quan trọng, có ý nghĩa chiến lược.

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 22/12/2011 của Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW, trong những năm qua, cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam đã có sự chuyển biến tích cực về cơ cấu xuất khẩu theo hướng giảm tỷ trọng nhóm hàng khai thác nhiên liệu và khoáng sản. Cụ thể, tỷ trọng nhóm hàng nhiên liệu và khai thác khoáng sản đã giảm dần, từ 11% năm 2011 xuống còn 6% năm 2014. Theo báo cáo của Bộ Công Thương, kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2018 của nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản ước đạt 2,19 tỷ USD, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm 2017.

Thời gian qua, trong quá trình kiểm soát hoạt động xuất khẩu khoáng sản, Bộ Công Thương đã xây dựng và áp dụng đầy đủ, chặt chẽ quy định về truy xuất nguồn gốc khoáng sản. Theo đó, khoáng sản chỉ được phép xuất khẩu khi đáp ứng được các điều kiện như: Nằm trong danh mục và đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng tại Thông tư số 12/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21/12/2012 quy định về xuất khẩu khoáng sản; có nguồn gốc hợp pháp (đối với quặng); sản phẩm khoáng sản đã qua chế biến từ các nguồn khoáng sản hợp pháp... Với khoáng sản xuất khẩu trong thành phần chứa thori, urani bằng hoặc lớn hơn 0,05% tính theo trọng lượng ngoài việc đảm bảo các điều kiện nêu trên còn phải có giấy phép xuất khẩu vật liệu phóng xạ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan, tính đến hết ngày 15/7/2018, cả nước xuất hơn 2 triệu tấn quặng, đạt kim ngạch 101 triệu USD. Trong số quặng và khoáng sản xuất khẩu, có 1,5 triệu tấn được xuất sang Trung Quốc (chiếm tỷ lệ 75%). Trung bình giá quặng xuất khẩu của Việt Nam ra các nước khoảng 1,16 triệu đồng/tấn giá xuất sang Trung Quốc 6 tháng qua chỉ đạt hơn 613.000 đồng/tấn, mức giá rẻ chỉ bằng một nửa.**

Về báo cáo xuất khẩu khoáng sản, các doanh nghiệp (DN) được yêu cầu báo cáo định kỳ cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi DN có trụ sở chính và nộp bản sao báo cáo này cho cơ quan Hải quan nơi DN thực hiện thủ tục xuất khẩu để đối chiếu, so sánh số liệu hàng hóa xuất nhập khẩu...

Tuy nhiên, thực tế hoạt động quản lý xuất khẩu khoáng sản ở nước thời gian qua đối diện với không ít khó khăn, hạn chế, cụ thể:

*Một là*, giá xuất khẩu một số loại quặng, khoáng sản sang thị trường Trung Quốc có sự chênh lệch so với các thị trường khác. Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan, tính đến hết ngày 15/7/2018, cả nước xuất hơn 2 triệu tấn quặng, đạt kim ngạch 101 triệu USD. Trong số quặng và khoáng sản xuất khẩu, có 1,5 triệu tấn được xuất sang Trung Quốc (chiếm tỷ lệ 75%). Trong khi, trung bình giá quặng xuất khẩu của Việt Nam ra các nước khoảng 1,16 triệu đồng/tấn giá xuất sang Trung Quốc 6 tháng qua chỉ đạt hơn 613.000 đồng/tấn, mức giá rẻ chỉ bằng một nửa. Một số ý kiến cho rằng, thực trạng này bắt nguồn từ việc các loại quặng xuất sang Trung Quốc chủ yếu là tiên chế, thô và là quặng nguyên khai, chưa qua chế biến nên giá rẻ...

*Hai là*, các vấn đề phát sinh từ nguồn gốc khoáng sản xuất khẩu. Thời gian qua, có trường hợp DN nhập khẩu khoáng sản rồi bán cho một DN khác để xuất khẩu khiến cho cơ quan quản lý lúng túng. Để kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc khoáng sản xuất khẩu, phòng ngừa gian lận thương mại, Tổng cục Hải quan yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố khi tiếp nhận hồ sơ xuất khẩu khoáng sản có nguồn gốc nhập khẩu phải kiểm tra đối chiếu, xác định tờ khai hải quan nhập khẩu khoáng sản do DN xuất trình với tờ khai trên Hệ thống VNACCS/VCIS hoặc hệ thống Ecustoms 5 của cơ quan hải quan...

*Ba là*, do có thời điểm giá kim loại và khoáng sản giảm sâu, việc chế biến sâu gặp nhiều khó khăn. Nhiều dự án ngừng sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng hoặc chưa thu hút được các nhà đầu tư để đầu tư dự án theo quy hoạch, nên đối với một số loại khoáng sản Chính phủ có chủ trương không xuất khẩu để cung cấp nguyên liệu cho các dự án chế biến sâu trong nước như: Quặng sắt, quặng titan cung vượt xa cầu, dẫn đến tồn kho cao, DN gặp rất nhiều khó khăn, người lao động không có việc làm, ảnh hưởng lớn đến an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội của nhiều địa phương, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc...

#### **Một số đề xuất, kiến nghị**

Theo Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030 nêu rõ: Phát triển xuất khẩu theo mô hình tăng trưởng bền vững và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô xuất khẩu, vừa chú trọng nâng cao giá trị gia tăng xuất khẩu; Chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu một cách hợp lý theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung nâng nhanh tỷ trọng các sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu. Trong đó, đối với nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản - là nhóm hàng có lợi thế về tài nguyên nhưng bị giới hạn nguồn cung thì cần có lộ trình giảm dần xuất khẩu khoáng sản thô; Đầu tư công nghệ để tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, tận dụng các cơ hội thuận lợi về thị trường và giá cả để tăng giá trị xuất khẩu. Định hướng tỷ trọng nhóm hàng này trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu từ 11,2% năm 2010 xuống còn 4,4% vào năm 2020.

Thời gian tới, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý xuất khẩu theo Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 về định hướng Chiến lược khoáng



sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Chính trị và Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030 của Chính phủ, đảm bảo đảm bảo lợi ích quốc gia, cần chú trọng một số vấn đề sau:


*Một là*, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản. Thường xuyên theo dõi, giám sát đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản và ảnh hưởng tích cực, tiêu cực đến kinh tế xã hội, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung. Các bộ, ngành địa phương (Bộ Công Thương, Bộ Tài chính...) cần tiếp tục phối hợp với nhau để làm rõ các vấn đề về số lượng, chủng loại các loại khoáng sản xuất khẩu sang các thị trường để có thông tin chi tiết phục vụ công tác quản lý; Theo dõi sát giá xuất khẩu các loại khoáng sản để sát với biến động giá thị trường thế giới để có cơ chế điều hành kịp thời. Cần có đánh giá tổng thể về chính sách và tác động đối với khai thác khoáng sản, trên cơ sở đó báo cáo Chính phủ xem xét sự cần thiết sửa đổi, bổ sung chính sách thuế liên quan...

**Năm 2020, nâng tỷ trọng ngành công nghiệp khai khoáng trong GDP từ khoảng 10% hiện nay lên 15 - 20% và tiếp tục tăng vào những năm tiếp theo; tăng tỷ trọng công nghiệp khai khoáng trong sản xuất công nghiệp. Hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp khai thác, chế biến sâu có tầm cỡ trong khu vực.**

*Hai là*, tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá, hạn chế cấp phép khai thác khoáng sản xuất khẩu, kiểm soát khai thác khoáng sản. Xem xét nghiên cứu thực hiện chính sách cấm xuất khẩu khoáng sản thô, không áp dụng chính sách cho xuất khẩu khoáng sản cá biệt. Đối với các loại khoáng sản không cấm thì áp dụng giấy phép xuất khẩu. Hạn chế các dự án khai thác, tuyển và chế biến một số loại quặng như vàng, đồng, niken, molipden ở quy mô manh mún, công nghệ lạc hậu, tổn thất tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường. Định kỳ xem xét để xác định mức độ quan trọng của từng loại khoáng sản, từ đó điều chỉnh việc khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản; Xem xét tạm dừng cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với một số loại khoáng sản quý hiếm, khả năng chế biến sâu còn hạn chế, nhu cầu sử dụng chưa cao; Công bố danh mục khoáng sản, chất lượng khoáng sản được phép xuất khẩu phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong từng thời kỳ... Hiện nay, có rất nhiều loại khoáng sản ở Việt Nam bị Chính phủ cấm bán ra nước ngoài, trong đó có những loại quặng

sắt, nhôm và titan... vì đây là những loại quặng, khoáng sản khan hiếm, được bảo vệ để phục vụ cho sản xuất trong nước.

*Ba là*, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nhằm tránh rủi ro trong kinh doanh và khai thác tiềm năng tại các thị trường mới. Cần theo dõi, phân tích, đề ra các giải pháp cụ thể để giảm dần sự phụ thuộc của hoạt động thương mại quốc tế vào thị trường Trung Quốc. Thực tế thời gian qua cho thấy, mặc dù việc xuất khẩu được kiểm soát ngặt nghèo, song với mức giá trung bình xuất khẩu quặng vào Trung Quốc với giá xuất bán trung bình ra các nước và khu vực còn lại, có sự chênh lệch giá bán rất lớn. Điều này đẩy lên lo ngại các DN được cấp phép chế biến sâu về sản phẩm quặng, khoáng sản đã xuất khẩu các loại quặng tiền chế, thô chưa không gia công, chế biến, gây thất thoát tài nguyên và trực lợi chính sách. Tổ chức hiệu quả, đồng bộ hoạt động thông tin, dự báo tình hình thị trường hàng hóa trong nước và thế giới, luật pháp, chính sách và tập quán buôn bán của các thị trường để giúp DN nâng cao khả năng cạnh tranh, thâm nhập thị trường hiệu quả...

*Bốn là*, tiếp tục nghiên cứu đổi mới chính sách tài chính đối với hoạt động khoáng sản; điều chỉnh kịp thời, hợp lý các loại thuế, khung thuế, biểu thuế, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản với mục tiêu tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước đối với các khoáng sản quan trọng, nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, DN và người dân nơi có khoáng sản được khai thác; không xuất khẩu quặng thô... 

#### Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2010), Luật Khoáng sản 2010;
2. Bộ Chính trị (2011), Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 về định hướng Chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
3. Chính phủ, Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 22/12/2011 về việc ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
4. Bộ Xây dựng (2018), Thông tư số 05/2018/TT-BXD ngày 29/6/2018 hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng;
5. Bộ Công Thương (2018), Thông tư số 03/VBHN-BCT ngày 17/01/2018 quy định về xuất khẩu khoáng sản;
6. Phương Dung (2018), Bộ Công Thương siết chặt quản lý nguồn gốc khoáng sản xuất khẩu, Báo Dân trí điện tử;
7. Ánh Ngọc (2018), Bộ Tài chính kiến nghị cấm hoàn toàn xuất khẩu khoáng sản thô, Báo Kinh tế Đô thị;
8. Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương (2018), 6 tháng đầu năm 2018: 20 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD.



# PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ KHOẢN CHI PHÍ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KHAI KHOÁNG

NGUYỄN NGỌC KHÁNH, NGÔ THẾ BÌNH - Đại học Mô Địa chất \*

*Nghiên cứu đề xuất phương pháp đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại công ty nói chung và tại các công trường, phân xưởng nói riêng (gọi tắt là đơn vị) nhằm góp phần đánh giá việc tuân thủ quy định về phạm vi, quy trình, thủ tục, thẩm quyền và hiệu quả quản lý chi phí tại các đơn vị; Đánh giá đầy đủ, kịp thời tình hình quản lý chi phí tại đơn vị để có biện pháp khắc phục tồn tại, hoàn thành mục tiêu, kế hoạch sản xuất, kế hoạch chi phí, hài hòa lợi ích công ty, công trường và người lao động; Kịp thời phát hiện các yếu kém trong hoạt động quản lý chi phí tại đơn vị, cảnh báo và đề ra biện pháp chấn chỉnh; Thực hiện công khai, minh bạch công tác khoán chi phí tại đơn vị.*

Từ khóa: Phương pháp đánh giá, hiệu quả khoán chi phí, doanh nghiệp khai khoáng

## THE MEASURES TO EVALUATE ALLOCATED EXPENDITURE MANAGEMENT OF MINING ENTERPRISES

*This research recommends measures to evaluate allocated expenditure management process of enterprises in general and of work sites or plants (abbreviated as units) to determine the regulation conformity in terms of scope, process, procedure, authority and management effectiveness of allocated expenditure of the units. Thereby, managers can have a timely and sufficiently evaluation of cost management of units to apply effective measures for limitations and weaknesses, achieve goals, work plans, spending plans and benefit harmony between units and employees; Simultaneously, it also helps discover backwards in cost management of units, alert and suggest measures and ensure publicity and transparency of cost management of the units.*

*Keywords: Evaluation measures, allocation of expenditure effectiveness, mining enterprises*

Ngày nhận bài: 27/8/2018

Ngày hoàn thiện biên tập: 14/9/2018

Ngày duyệt đăng: 19/9/2018

## Phương pháp đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán đối với các công trường, phân xưởng

Để đảm bảo mục đích vừa đề cập, phương pháp đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán cần phân theo đơn vị: Cấp công ty và cấp công trường. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả đặt trọng tâm vào

phương pháp đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán cấp công trường. Trình tự đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại các công trường, phân xưởng thực hiện theo 04 bước sau:

*Bước 1:* Xác định chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại các đơn vị.

Căn cứ điều kiện thực tế tại các đơn vị, đề xuất các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán như sau:

- Chỉ tiêu 1: Kế hoạch sản xuất (hoàn thành chỉ tiêu khối lượng, chất lượng sản phẩm giao khoán).
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ % tiết kiệm (+) bội chi (-) trên tổng doanh thu khoán sau quy đổi. Để đạt mức xếp loại tốt cho chỉ tiêu này, các đơn vị cần đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu giá trị (tổng cộng giá trị khoán các yếu tố không bị lỗ, không bị giảm trừ vào thu nhập, hoặc chi phí tổng hợp bình quân cho 1 đơn vị sản phẩm không cao hơn so với chỉ tiêu giao khoán). Chăm lo củng cố chất lượng thiết bị sản xuất tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho các kỳ kế hoạch tiếp theo. Quản trị tốt nguồn tài nguyên, không gây lãng phí và tổn thất tài nguyên khoáng sản.

- Chỉ tiêu 3: Năng suất lao động bình quân và công tác an toàn lao động (thực hiện đúng quy trình quy phạm, kỹ thuật sản xuất, khai thác cơ bản không để xảy ra bất kỳ một trường hợp vi phạm an toàn nghiêm trọng nào trong quá trình sản xuất, thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của Công ty).

- Chỉ tiêu 4: Tiền lương bình quân (đồng/công)
- Chỉ tiêu 5: Mức độ tăng (+), giảm (-) lợi nhuận của công ty so với kế hoạch được giao ( $\Delta$ LN).

*Bước 2:* Xác định kỳ đánh giá hiệu quả quản trị



chi phí khoán tại các đơn vị.

Kỳ đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại các đơn vị phù hợp với kỳ giao khoán chi phí của công ty, căn cứ vào kỳ giao khoán chi phí của công ty để xuất kỳ đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại các đơn vị là 1 quý và năm.

**Bước 3:** Xác định mức độ hoàn thành (xếp loại) của từng chỉ tiêu sử dụng để đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại các đơn vị.

- Chỉ tiêu 1. Kế hoạch sản xuất (hoàn thành chỉ tiêu khối lượng, chất lượng sản phẩm giao khoán).  
Cụ thể:

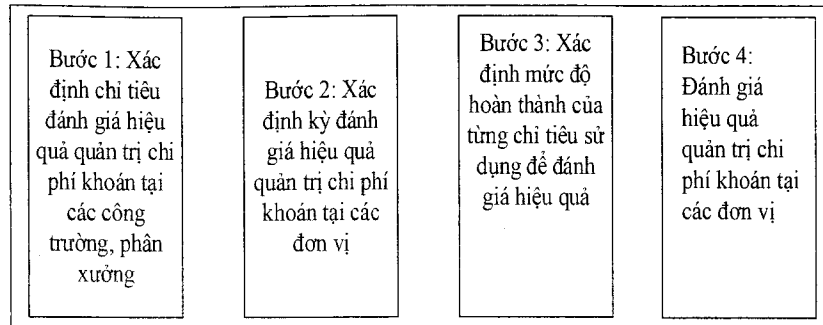
+ Đạt loại A: Khi khối lượng sản xuất cả về số lượng và chất lượng sản phẩm thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao.

+ Đạt loại C: Khi khối lượng sản xuất thực hiện không hoàn thành cả về số lượng và chất lượng sản phẩm.

+ Đạt loại B: Trường hợp không được xếp loại A hoặc C.

- Chỉ tiêu 2. Tỷ lệ % tiết kiệm (+) và bội chi (-) trên tổng doanh thu khoán sau quy đổi; Đạt loại A khi tỷ lệ này > 0; Đạt loại C khi tỷ lệ này  $\Delta$  -3% và đạt loại B trong trường hợp không được xếp loại A hoặc C.

**HÌNH 1: CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CHI PHÍ KHOẢN TẠI CÁC CÔNG TRƯỜNG, PHẦN XƯỞNG**



Nguồn: Tác giả tổng hợp

- Chỉ tiêu 3. Năng suất lao động bình quân và công tác an toàn lao động: Đạt loại A khi năng suất lao động thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao và được công ty xác nhận không có hiện tượng gây mất an toàn lao động trong quá trình làm việc; Đạt loại C khi năng suất lao động thực hiện thấp hơn kế hoạch được giao hoặc công ty xác nhận có hiện tượng gây mất an toàn lao động trong quá trình làm việc; Đạt loại B trong trường hợp không được xếp loại A hoặc C.

- Chỉ tiêu 4. Tiền lương bình quân (đồng/công). Đạt loại A khi tiền lương bình quân (đồng/công) thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao; Đạt loại B khi tiền lương bình quân (đồng/công) thực hiện thấp hơn kế hoạch được giao nhưng tối thiểu bằng 90% kế hoạch; Đạt loại C khi tiền lương

**BẢNG 1: XẾP LOẠI CHỈ TIÊU 1 - KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2017 CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO LÒ**

STT	Công trường, PX	Kế hoạch		Thực hiện		So sánh TH/KH (%)		Xếp loại
		Than NK không gồm than cục xô (T)	Ak NK không gồm cục xô (%)	Than NK không gồm than cục xô (T)	Ak NK không gồm cục xô (%)	Than NK không gồm than cục xô (T)	Ak than NK không gồm cục xô tăng(+)/ giảm (-)	
1	KT 1	165.914	40,38	179.558	40,24	8,22	-0,14	A
2	KT 5	173.222	40,72	192.573	40,31	11,17	-0,41	A
3	CGH1	586.701	41,14	613.910	40,78	4,64	-0,36	A
4	CGH2	1.068.384	37,47	950.803	37,06	-11,01	-0,41	B
5	KT 8	152.758	40,01	148.128	39,76	-3,03	-0,25	B

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

**BẢNG 2: XẾP LOẠI CHỈ TIÊU 1 - KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2017 CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO LÒ**

STT	Công trường	Kế hoạch đào lò quy đổi về lò than VC2	Thực hiện đào lò quy đổi về lò than VC2	So sánh TH/KH tăng (+), giảm (-) (%)	Xếp loại	bình quân (đồng/công) thực hiện đạt dưới 90% kế hoạch được giao.
1	KTCB1	2.305	2.461	6,77	A	- Chỉ tiêu 5. Mức độ tăng (+), giảm (-) lợi nhuận của công ty so với kế hoạch được giao ( $\Delta$ LN): Đạt loại A: khi $\Delta$ LN > 0; Đạt loại B: khi
2	KTCB2	4.001	4.071	1,75	A	
3	KTCB3	3.104	3.099	-0,16	C	
4	KTCB4	2.793	2.790	-0,11	C	
5	KTCB5	3.382	3.389	0,21	A	
6	KTCB6	2.690	2.671	-0,71	C	

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả



**BẢNG 3: XẾP LOẠI CHỈ TIÊU 2 - TỶ LỆ % TIẾT KIIỆM (+) BỘI CHI (-) TRÊN TỔNG DOANH THU KHOẢN SAU QUY ĐỔI NĂM 2017 CÁC ĐƠN VỊ LÒ CHỢ VÀ ĐƠN VỊ ĐÀO LÒ**

TT	Đơn vị	Doanh thu khoản, đồng	Tiết kiệm (+)/ Bội chi (-) sau quy đổi (đồng)	Tỷ lệ % tiết kiệm (+) bội chi (-) trên tổng doanh thu khoản sau quy đổi	Xếp loại
<b>Đơn vị lò chợ</b>					
1	CT KT1	10.463.512.948	144.710.734	1,38	A
2	CT KT5	10.852.400.082	870.559.514	8,02	A
3	CT KT8	8.642.459.128	-65.484.248	-0,76	B
4	CT CGH1	14.341.663.568	429.934.288	3,00	A
5	CT CGH2	12.957.587.951	9.002.892	0,07	A
<b>Đơn vị đào lò</b>					
6	CT KTCB1	4.494.768.765	109.760.299	2,44	A
7	CT KTCB2	5.771.523.265	-32.811.788	-0,57	B
8	CT KTCB3	8.054.900.265	458.819.680	5,70	A
9	CT KTCB4	4.041.992.732	-200.680.461	-4,96	C
10	CT KTCB5	6.327.876.805	183.364.134	2,90	A
11	CT KTCB6	3.734.210.243	106.556.504	2,85	A

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

**BẢNG 4: XẾP LOẠI CHỈ TIÊU 4 - TIẾP ĐƯƠNG BÌNH QUÂN NĂM 2017 CÁC ĐƠN VỊ LÒ CHỢ VÀ ĐƠN VỊ ĐÀO LÒ**

STT	Đơn vị	Kế hoạch đồng/ công	Thực hiện đồng/ công	So sánh thực hiện/ kế hoạch (%)	Xếp loại
<b>Đơn vị lò chợ</b>					
1	CT KT1	506.390	634.079	125,2	A
2	CT KT5	511.984	614.096	119,9	A
3	CT KT8	500.445	571.859	114,3	A
4	CT CGH1	606.693	869.165	143,3	A
5	CGH2	626.515	853.087	136,2	A
<b>Đơn vị đào lò</b>					
6	CT KTCB1	519.880	762.821	146,7	A
7	CT KTCB2	562.149	822.927	146,4	A
8	CT KTCB3	536.175	671.941	125,3	A
9	CT KTCB4	558.186	687.555	123,2	A
10	CT KTCB5	572.345	744.988	130,2	A
11	CT KTCB6	543.526	658.726	121,2	A

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

khí  $\Delta LN = 0$ ; Đạt loại C: khi khi  $\Delta LN < 0$ .

**Bước 4:** Đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoản tại các đơn vị.

Việc đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoản tại các đơn vị thực hiện trên cơ sở so sánh giữa kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được công ty giao với kết quả thực hiện. Kết quả đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoản tại các đơn vị được phân loại thành 03 cấp như sau:

+ Đơn vị xếp loại A: Hoàn thành tốt nhiệm vụ khoản chi phí.

+ Đơn vị xếp loại B: Hoàn thành nhiệm vụ khoản

chi phí.

+ Đơn vị xếp loại C: Không hoàn thành nhiệm vụ khoản chi phí.

Dựa trên kết quả đánh giá A, B và C, công ty có cơ sở xác định đơn vị được khen thưởng, xử phạt công tác quản trị chi phí.

- Căn cứ vào mức độ đạt được của các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoản tại các đơn vị, tiến hành xếp loại các đơn vị như sau:

+ Đơn vị xếp loại A khi không có chỉ tiêu xếp loại C, trong đó chỉ tiêu 2, 3, 4 xếp loại A (không bắt buộc chỉ tiêu 1 phải xếp loại A vì việc hoàn thành kế hoạch sản xuất tại các doanh nghiệp ngành khai khoáng phụ thuộc tương đối lớn vào điều kiện địa chất, tự nhiên, vào các nguyên nhân khách quan).

+ Đơn vị xếp loại C khi có chỉ tiêu 2 xếp loại C hoặc có chỉ tiêu 2 xếp loại B và 4 chỉ tiêu còn lại xếp loại C.

+ Đơn vị xếp loại B là trường hợp không được xếp loại A hoặc loại C.

### Phương pháp đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoản đối với các phòng ban

Đánh giá xét thưởng công tác khoản quản trị chi phí và điều hành giá thành của các

phòng được đánh giá hàng quý, năm theo nguyên tắc gắn với mức độ đạt thành tích của các công trường, phân xưởng, mức độ tiết kiệm, bội chi của công ty và vai trò của phòng đối với công tác khoản quản trị chi phí và điều hành giá thành.

- **Bước 1.** Xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công tác khoản quản trị chi phí và điều hành giá thành đối với các phòng trong công ty

+ Chỉ tiêu 1. Mức độ xếp loại của các công trường, phân xưởng.

+ Chỉ tiêu 2. Vai trò của các phòng đối với công

tác khoán quản trị chi phí và điều hành giá thành của công ty.

+ Chi tiêu 3. Mức độ tăng (+), giảm (-) lợi nhuận của công ty so với kế hoạch được giao ( $\Delta$ LN) và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bằng hoặc cao hơn kế hoạch.

- Bước 2. Xác định mức điểm hoàn thành của các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công tác khoán quản trị chi phí và điều hành giá thành đối với các phòng trong công ty.

- Bước 3. Xác định mức xét thưởng công tác khoán

quản trị chi phí và điều hành giá thành đối với các phòng trong công ty

Dựa trên mức điểm các phòng đạt được (Đi), tiến hành xếp loại mức xét thưởng:

- Xếp loại xuất sắc:  $> 900 \div 1000$  điểm
- Xếp loại có thành tích cao:  $> 800 \div 900$  điểm
- Ban Giám đốc ghi nhận thành tích:  $> 700 \div 800$  điểm
- Ban Giám đốc ghi nhận hoàn thành nhiệm vụ:  $> 600 \div 700$  điểm
- Cần cố gắng nỗ lực phấn đấu trong thời gian tới:  $\leq 600$  điểm.

**BẢNG 5: ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KHOẢN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ ĐIỀU HÀNH GIÁ THÀNH CÁC PHÒNG TRONG CÔNG TY (TỔNG QUÁT) NĂM 2017**

Đơn vị	Chỉ tiêu 1	Chỉ tiêu 2	Chỉ tiêu 3	Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Điểm	Xếp loại
<b>Đơn vị lò chợ</b>							
CT KT1	A	A	A	A	A	1000	A+
CT KT5	A	A	A	A	A	1000	A+
CT KT8	B	B	A	A	A	800	B
CT CGH1	A	A	A	A	A	1000	A+
CT CGH2	B	A	A	A	A	900	A
<b>Đơn vị đào lò</b>							
CT KTCB1	A	A	A	A	A	1000	A+
CT KTCB2	A	B	A	A	A	900	B
CT KTCB3	C	A	A	A	A	800	B
CT KTCB4	C	C	A	A	A	600	C
CT KTCB5	A	A	A	A	A	1000	A+
CT KTCB6	C	A	A	A	A	800	B

(Mức điểm theo xếp loại từng chỉ tiêu: A - 200 điểm; B - 100 điểm; C - 0 điểm)

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

**BẢNG 6: SO SÁNH ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI KHEN THƯỞNG CÁC ĐƠN VỊ GIỮA CÔNG TY VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU NĂM 2017**

Đơn vị	Công ty	Nhóm nghiên cứu đề xuất	
		Xếp loại	Đánh giá
<b>Đơn vị lò chợ</b>			
CT KT1	Xuất sắc	A+	Xuất sắc
CT KT5	Xuất sắc	A+	Xuất sắc
CT KT8	-----	B	Ghi nhận hoàn thành nhiệm vụ nhưng cần cố gắng
CT CGH1	Xuất sắc	A+	Xuất sắc
CT CGH2	Xuất sắc	A	Đạt thành tích cao
<b>Đơn vị đào lò</b>			
CT KTCB1	Xuất sắc	A+	Xuất sắc
CT KTCB2	Cần cố gắng	B	Ghi nhận hoàn thành nhiệm vụ nhưng cần cố gắng
CT KTCB3	Xuất sắc	B	Ghi nhận hoàn thành nhiệm vụ nhưng cần cố gắng
CT KTCB4	Cần cố gắng	C	Không hoàn thành nhiệm vụ
CT KTCB5	Xuất sắc	A+	Xuất sắc
CT KTCB6	Xuất sắc	B	Ghi nhận hoàn thành nhiệm vụ nhưng cần cố gắng

Nguồn: Tác giả tổng hợp

### Áp dụng vào thực tế

Để áp dụng nghiên cứu vào thực tiễn, trong khuôn khổ bài viết sẽ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào việc xếp loại các đơn vị về công tác khoán chi phí năm 2017 đối với các công trường, phân xưởng tại Công ty cổ phần Than Hà Lâm. Theo đó, dựa vào số liệu báo cáo tổng kết khoán chi phí và điều hành giá thành năm 2017, tiến hành xếp loại đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại 05 đơn vị lò chợ (CTKT1, CTKT5, CTCGH1, CTCGH2 và CTKT8) và 06 đơn vị đào lò (KTCB1, KTCB2, KTCB3, KTCB4, KTCB5, KTCB6).

### Xếp loại các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán

- Chỉ tiêu 1. Kế hoạch sản xuất (hoàn thành chỉ tiêu khối lượng, chất lượng sản phẩm giao khoán).

Công trường KT1, KT5 và CGH1 hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất cả về số lượng và chất lượng sản phẩm (Ak) vì vậy xếp loại A, công trường CGH2 và KT8 chỉ hoàn thành vượt mức kế hoạch Ak còn không hoàn thành số lượng vì vậy xếp loại B.

Số liệu trên cho thấy, năm 2017, về Chỉ tiêu 1 - Kế hoạch sản xuất, công trường KTCB1, KTCB2, KTCB 5 xếp loại A, còn công trường KTCB 3, KTCB 4, KTCB

6 xếp loại C.

- Chỉ tiêu 2. Tỷ lệ % tiết kiệm (+) bội chi (-) trên tổng doanh thu khoán sau quy đổi

Căn cứ vào tiêu chuẩn xếp loại chỉ tiêu 2, đơn vị xếp loại C là CT KTCB4 và đơn vị xếp loại B là CT KT8 và CT KTCB2, thực tế CT KT8 trong quý III điều kiện sản xuất gặp nhiều khó khăn do nước ngầm nhiều làm giảm sản lượng khai thác, KTCB2 và KTCB4 diện sản xuất phân tán, điều kiện thi công gặp nhiều khó khăn làm tăng chi phí sản xuất.

- Chỉ tiêu 3. Năng suất lao động bình quân và công tác an toàn lao động.

**Trình tự đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại các công trường, phân xưởng thường được thực hiện theo 04 bước sau: Xác định chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại các công trường, phân xưởng; Xác định kỳ đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại các đơn vị; Xác định mức độ hoàn thành (xếp loại) của từng chỉ tiêu sử dụng để đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại các đơn vị; Đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại các đơn vị.**

Kết quả cho thấy, 100% các đơn vị lò chợ, đào lò trong phạm vi nghiên cứu đều có năng suất lao động thực hiện cao hơn kế hoạch được giao và giá định công ty đã xác nhận đều đảm bảo an toàn lao động, do vậy 100% các đơn vị đều đạt loại A.

- Chỉ tiêu 4. Tiền lương bình quân (đồng/công)

Qua bảng trên cho thấy, 100% các đơn vị lò chợ, đào lò trong phạm vi nghiên cứu đều có tiền lương bình quân (đồng/công) thực hiện cao hơn kế hoạch được giao, do vậy 100% các đơn vị đều đạt loại A.

- Chỉ tiêu 5. Mức độ tăng (+), giảm (-) lợi nhuận của công ty so với kế hoạch được giao ( $\Delta$ LN)

Căn cứ báo cáo tại Hội nghị tổng kết công tác khoán chi phí phân xưởng và đánh giá cán bộ năm 2017, triển khai nhiệm vụ năm 2018 của Công ty cổ phần than Hà Lầm tổ chức ngày 9/4/2018 thì công ty đã hoàn thành mức lợi nhuận so với kế hoạch đề ra đạt tới 190,5%. Do vậy, chỉ tiêu 5 đạt xếp loại A cho các đơn vị trong công ty.

**Đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán tại các đơn vị**

Căn cứ vào phương pháp xếp loại đã đề xuất:

+ Đơn vị xếp loại A khi không có chỉ tiêu xếp loại C, trong đó chỉ tiêu 2, 3, 4 xếp loại A.

+ Đơn vị xếp loại C khi có chỉ tiêu 2 xếp loại C hoặc có chỉ tiêu 2 xếp loại B và 4 chỉ tiêu còn lại xếp loại C.

+ Đơn vị xếp loại B là trường hợp không được

xếp loại A hoặc loại C.

Qua bảng trên cho thấy, trong số 11 đơn vị nghiên cứu thì đánh giá hiệu quả quản trị chi phí khoán thì CT KTCB4 đạt loại C, 4/11 đơn vị đạt loại B gồm CT KT8, CT KTCB2, CT KTCB3 và CT KTCB6 và 6/11 đơn vị đạt loại A gồm CT KT1, CT KT5, CT CGH1, CT CGH2, CT KTCB1 và CT KTCB5. Kết quả xếp loại này sẽ là cơ sở đánh giá xếp loại xét thưởng, đánh giá trình độ quản lý chi phí của Ban chỉ huy các phân xưởng.

Thực tế cho thấy, với 11 đơn vị nghiên cứu cũng có kết quả chênh lệch so với quyết định xét thưởng của Công ty.


Căn cứ vào thực tế xếp loại khen thưởng công tác quản trị chi phí của công ty có thể thấy công ty chia ra các mức như bảng 6.

Trong khi đó, phương pháp nhóm nghiên cứu đề xuất chỉ chia thành 03 mức (A, B, C) nhằm phát huy mạnh hơn phong trào thi đua trong công ty. Các đơn vị có sự chênh lệch giữa việc xét khen thưởng công tác quản trị chi phí của công ty với phương pháp xếp loại mà nhóm nghiên cứu đề xuất:

+ CT KT8: Công ty đánh giá ở mức ghi nhận thành tích, nhóm nghiên cứu xếp loại B.

+ CT KTCB3 và CTKTCB6: Công ty đánh giá ở mức xuất sắc, nhóm nghiên cứu xếp loại B.

+ CT KTCB2: Công ty đánh giá ở mức cần cố gắng (mức thấp nhất trong quy định hiện nay ở công ty), nhóm nghiên cứu xếp loại B.

Những đơn vị còn lại như CT KT1, CT KT5, CT CGH1, CT CGH2, CT KTCB1, CT KTCB5 kết quả xếp loại của nhóm nghiên cứu đồng nhất với kết quả xếp loại của công ty là đạt mức xuất sắc, tương đương mức A theo phương pháp nhóm nghiên cứu đề xuất. Đối với CT KTCB4 nhóm nghiên cứu cũng đồng thuận với kết quả xếp loại của công ty là chỉ đạt mức cần cố gắng trong thời gian tới, mức thấp nhất theo quy định của công ty (tương đương mức C theo phương pháp nhóm nghiên cứu đề xuất). 

#### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Công Thương, Quyết định số 5239/2010/QĐ-BCT ngày 18/10/2010 phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
2. Nguyễn Việt Cường (2015), Vận dụng phương pháp quản trị theo mục tiêu trong các công ty cổ phần kinh doanh đa ngành, Tạp chí Kinh tế và Dự báo;
3. Phạm Thị Hồng Hạnh (2012), Kế toán quản trị chi phí và ứng dụng của nó trong các doanh nghiệp khai thác than thuộc Vinacomin, Báo cáo hội nghị khoa học lần thứ 20 Trường Đại học Mỏ - Địa chất;
4. George L. Morrissey, (1986), Quản lý theo mục tiêu và hiệu quả, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội;
5. Công ty cổ phần than Hà Lầm, Báo cáo tổng kết khoán chi phí phân xưởng và đánh giá cán bộ năm 2017, triển khai nhiệm vụ năm 2018.